

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST.

Ngày: 27/8/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thuận Hóa.

2. Ông A Phun.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Thụ lý mới số 01/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2025) theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2025 và và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST-QĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. A P, sinh ngày 08/6/2003 tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân 062203001603; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Nay là thôn Đ, xã K, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A M, sinh năm 1970 và bà Y D, sinh năm 1980; sinh sống như vợ chồng chưa đăng ký kết hôn với Y T, sinh năm 2003; bị cáo có 01 con, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân:

+ Ngày 17/02/2021, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại cho sức khỏe của người khác với số tiền 2.000.000 đồng theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 17/02/2021.

+ Ngày 13/6/2025, bị Phòng CSĐTTP về ma túy công tỉnh K (Nay là tỉnh Quảng Ngãi) xử phạt vi hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000 đồng và hành vi tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 3.500.000 đồng theo quyết định xử phạt vi hành chính số 52/QĐ-XPHC và số 53/QĐ-XPHC cùng ngày 13/6/2025.

- Người bào chữa cho bị cáo A P có ông Nguyễn Văn Đ – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q số 2.

Địa chỉ: Số B T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Trần Phi T1, sinh ngày 28/02/1995 tại tỉnh Gia Lai; số căn cước công dân 064095008692; nơi cư trú: Thôn D, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Nay là thôn D, xã B, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phi D1, sinh năm 1968 và bà Hồ Thị P1, sinh năm 1971; vợ Trần Thị Bích H, sinh năm 1997 (Đã ly hôn). Sau này sinh sống như vợ chồng với Y V, sinh năm 2002 (chưa đăng ký kết hôn); bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/04/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân:

+ Ngày 30/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2013/HS-ST, khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên thuộc trường hợp được coi là không có án tích theo Điều 107 Bộ luật Hình sự 2015.

+ Ngày 13/6/2025, bị Phòng CSĐTTP về ma túy công tỉnh K (Nay là tỉnh Quảng Ngãi) xử phạt vi hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000 đồng và hành vi tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 3.500.000 đồng theo quyết định xử phạt vi hành chính số 54/QĐ-XPHC và số 55/QĐ-XPHC cùng ngày 13/6/2025.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh A N, sinh ngày 09/04/2003. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Nay là thôn Đ, xã K, tỉnh Quảng Ngãi).

2. Chị Y V, sinh năm 2002. Có mặt.

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum (Nay là thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 16/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T phối hợp với Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum tiến hành tuần tra, kiểm soát trên địa bàn xã Đ, huyện T phát hiện và bắt quả tang A P, trú thôn Đ, xã Đ, huyện Đ (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi) đang cất giấu 01 gói ni lông trong suốt bên trong có chứa 23 túi nhỏ bên trong có các hạt tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) trong túi quần bên trái của A P tại nhà ông A B, trú tại thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra nhà ở của ông A B thu giữ 01 túi ni lông trong suốt có chứa: 01 viên nén hình tròn màu xanh, mặt trên có ký hiệu chữ “A”, đường kính 0,6cm, không rõ chất gì; 05 túi ni lông nhỏ trong suốt bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) có kích thước (3,2x1)cm; 01 túi ni lông trong suốt bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) có kích thước (6x4,6)cm tại nền nhà khu vực bếp và thu giữ 01 ống thủy tinh không rõ hình dạng có phần đầu hình cầu có lỗ hở có chất bám dính màu đen, phần đuôi dẹp; 01 ống thủy tinh không rõ hình dạng, rỗng ruột; 01 chai nhựa có nhãn hiệu “Number1” được đóng kín, trên nắp chai có kết nối 01 ống nhựa có chiều dài 30cm; 01 ống hình trụ tròn, có một đầu làm bằng thủy tinh gắn vào một đầu ống nhựa, chiều dài 16,5cm, đường kính 0,6cm; 03 ống hút bằng nhựa, đường kính đồng đều 0,6cm, có chiều dài lần lượt là 21cm, 31cm, 32,5cm; 04 ống thủy tinh hình trụ tròn, đồng đều kích thước dài 20,5cm, đường kính 0,6cm tại phòng ngủ của Y V và Trần Phi T1. Đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của A P thu giữ: 05 ống thủy tinh hình trụ tròn kích thước giống nhau chiều dài 15,9 cm. đường kính 0,6cm; 03 ống nhựa hình trụ tròn kích thước giống nhau chiều dài 28,3 đường kính 0,3 cm. Ngoài ra Cơ quan CSĐT Công An huyện T tiến hành tạm giữ số tiền 1.290.000 đồng gồm nhiều loại mệnh giá khác nhau của Trần Phi T1 để điều tra.

Quá trình điều tra, bị cáo A P khai nhận như sau: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 16/01/2025, Trần Phi T1 gọi điện thoại nhờ A P lên nhà ông A B tại thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum (nơi T1 đang ở) để đóng hộ kê gỗ đựng bánh, kẹo. Vì không có xe nên A P nhờ A N điều khiển xe mô tô của A N mang BKS: 82B1-718.65 đi đến nhà ông A B. Khoảng 09 giờ 20 phút cùng ngày, khi A P đến nơi thì nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng nên đi vào trong nhà (A N1 ở ngoài) và hỏi T1 có ma túy không bán cho 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) thì T1 đồng ý bán. T1 đưa cho A P 01 gói ni lông trong suốt bên trong có chứa 23 túi nhỏ bên trong có các tinh thể màu trắng. A P đưa trước cho T1 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) và nợ số tiền còn lại. Sau khi nhận được ma túy, A P cất vào túi quần bên trái. Trong lúc A P và A N đang ngồi chơi và T1 đang gom bánh kẹo thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đi vào và tiến hành kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang A P tàng trữ tại túi quần bên trái 01 (*một*) gói ni lông trong suốt bên trong có chứa 23 (*hai mươi ba*) túi nhỏ, dạng ống hút nhựa hàn kín hai đầu bên trong có các hạt tinh thể màu trắng. A P khai nhận toàn

bộ tang vật trên là ma túy. (Tuy nhiên, trong quá trình điều tra Trần Phi T1 không thừa nhận hành vi bán ma túy cho A P như A P đã khai).

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Phi T1 khai nhận như sau: Vào tối ngày 15/01/2025, T1 có đi nhậu với một người tên P2 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), sau đó nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên nhờ P2 mua 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) tiền ma túy. P2 đồng ý và liên hệ với người tên H1 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) và chở T1 bằng xe mô tô của P2 đi đến điểm hẹn tại xã Đ, huyện N để lấy ma túy. Đến khoảng 20h cùng ngày thì đến điểm hẹn, P2 là người trực tiếp gặp H1, còn T1 đứng cách đó khoảng hơn 50m. Sau khi nhận được ma túy thì P2 đưa lại cho T1 và cả hai về ngủ tại lán của công trình tại xã Đ, huyện N. Đến sáng ngày 16/01/2025, T1 bắt xe về nhà ông A B tại thôn K, xã Đ, huyện T. Được một lúc thì T1 gọi điện cho A P để lên nhờ đóng kệ đựng bánh, kẹo. Khi A P đến nơi thì chưa có dụng cụ để đóng kệ và gần giáp Tết nên T1 hỏi P “Mua bánh, kẹo để sử dụng Tết” thì A P đồng ý và đưa cho T1 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Sau đó A P ngồi chơi trong phòng khách, T1 đang gom bánh kẹo cho A P thì thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra đi vào nên T1 đã đi xuống nhà bếp và đã thả 01 túi ni lông trong suốt chứa: 01 viên nén hình tròn, màu xanh, mặt trên có ký hiệu chữ “A”, đường kính 0,6cm; 05 túi ni lông nhỏ trong suốt bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng có kích thước (3,2x1)cm; 01 túi ni lông trong suốt bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng có kích thước (6x4,6)cm xuống nền nhà bếp, gần lối ra phòng khách. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát hiện thu giữ và niêm phong toàn bộ số tang vật trên. Kiểm tra phòng ngủ của T1 và Y V thu giữ các dụng cụ sử dụng ma túy, các đồ vật có liên quan và niêm phong theo quy định. Đồng thời tạm giữ của T1 số tiền 1.290.000 đồng.

Kết quả tiến hành test nhanh ma túy trong nước tiểu đối với A P, Trần Phi T1, Y V. Kết quả A P, Trần Phi T1, Y V dương tính với ma túy loại *Methamphetamine*, A.

Tại Kết luận giám định số: 148/KL-KTHS, ngày 21/01/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận:

Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 23 (*Hai mươi ba*) gói ni lông trong suốt dạng ống hút nêu tại mục 1.4 của A P là ma túy, loại *Methamphetamine*, có khối lượng là: **4,36gam** (*Bốn phẩy ba mươi sáu gam*).

Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 05 (*Năm*) túi ni lông trong suốt dạng ống hút nêu tại mục 1.1 của Trần Phi T1 là ma túy, loại *Methamphetamine*, có khối lượng là: **1,05gam** (*Một phẩy không năm gam*) và chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong túi ni lông trong suốt dạng túi zip nêu tại mục 1.2 của Trần Phi T1 là ma túy, loại *Methamphetamine*, có khối lượng là: **0,76gam** (*Không phẩy bảy mươi sáu gam*) và 01 (một) viên nén hình tròn, màu xanh, mặt trên có ký hiệu chữ “A” nêu tại mục 1.3 của Trần Phi T1 không tìm thấy các chất ma túy (Đã giám định hết).

Tại kết luận giám định số: 147/KL-KTHS, ngày 11/02/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: Mẫu ký hiệu số 01: Trên các túi ni lông (23 túi ni lông có chứa ma túy do A P tàng trữ) có ADN người, do chất lượng dấu vết kém nên ADN phân tích được không đủ điều kiện để truy nguyên đối tượng. Mẫu ký hiệu số 02: Trên 02 (hai) túi ni lông trong suốt dạng túi zip (do T1 tàng trữ) có ADN của Trần Phi T1, không có ADN của A B, Y V, Y IAH. Trên 05 (Năm) túi ni lông trong suốt dạng ống hút (do T1 tàng trữ) có ADN người, do chất lượng dấu vết kém nên ADN phân tích được không đủ điều kiện để truy nguyên đối tượng.

Bản kết luận giám định số 69/KL-KTHS ngày 24/02/2025 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: Chất bám dính màu đen trong 01 (Một) ống thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamin, khối lượng: 0,001 gam.

Bản kết luận giám định số 743/KL-KTHS, ngày 03/06/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng đối với số tiền 1.290.000đ (một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) gồm các tờ tiền có mệnh giá khác nhau kết luận: Trên các mẫu cần giám định có lẫn ADN của nhiều người, không đủ điều kiện để truy nguyên đối tượng.

Bản kết luận giám định số 744/KL-KTHS ngày 13/6/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng đối với số tiền 1.290.000đ (một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) gồm các tờ tiền có mệnh giá khác nhau kết luận: Trên các mẫu cần giám định không phát hiện thấy có dấu vết đường vân.

Tại Bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-TMR ngày 30/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Mư Rông, tỉnh Kon Tum (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi) truy tố các bị cáo A P và Trần Phi T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát; các bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng, quyết định truy tố đối với các bị cáo A P và Trần Phi T1 đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo A P và Trần Phi T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo A P từ 42 đến 48 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/01/2025.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Phi T1 từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 21/04/2025.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều làm nông có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định và tất cả các vật chứng, đồ vật được thu giữ theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 18/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Quảng Ngãi đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

Đối với 02 điện thoại di động các bị cáo không sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo A P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y17, màu hồng có IMEI 1: 865624049296750; IMEI 2: 865624049296743, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong và trả lại cho bị cáo Trần Phi T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2204, màu đen, có số seri 10HD6406JG00555, đã qua sử dụng.

Đối với số tiền 1.290.000 đồng. Trong đó A P khai đưa cho Trần Phi T1 1.000.000 đồng để mua ma túy nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 290.000 đồng là của bị cáo Trần Phi T1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo A P trình bày lời bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo A P thống nhất với cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo, thống nhất về tội danh, khung hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị đối với bị cáo. Bản thân bị cáo trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội ngoài ra bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Vì vậy, đề Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và kính mong Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở mức hình phạt 24 tháng tù để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực học tập, cải tạo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, các bị cáo hối hận về hành vi của mình và đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án và căn cứ định tội.*

Tại phiên tòa các bị cáo A P và Trần Phi T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/01/2025, tại nhà của ông A B thuộc thôn K, xã Đ, huyện T (N là thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T phối hợp với Công an xã Đ tiến hành tuần tra, kiểm soát trên địa bàn xã Đ, huyện T phát hiện và bắt quả tang bị cáo A P có hành vi cất giấu trong túi quần bên trái 01 (một) gói ni lông trong suốt bên trong có chứa 23 (*hai mươi ba*) gói ni lông trong suốt dạng ống hút, bên trong có chứa tổng cộng 4,36 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tiến hành kiểm tra khu vực bếp của nhà ông A B và thu giữ 05 túi ni lông nhỏ trong suốt có kích thước (3,2x1)cm và 01 túi ni lông trong suốt dạng túi zip có kích thước (6x4,6)cm bên trong có chứa tổng cộng 1,81gam ma túy, loại Methamphetamine của Trần Phi T1 cất giấu với mục đích để sử dụng.

Trong quá trình điều tra các bị cáo A P, Trần Phi T1 đã thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo đối với số lượng ma túy bị thu giữ tại nhà ông A B vào sáng ngày 16/01/2025. Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo A P khai nguồn gốc 23 (*hai mươi ba*) gói ni lông trong suốt dạng ống hút, bên trong có chứa tổng cộng 4,36 gam ma túy, loại Methamphetamine là mua của Trần Phi T1 với giá là 3.000.000 đồng và đưa trước 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị cáo Trần Phi T1 không thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho A P như lời khai của A P. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định ADN trên các túi ni lông (23 túi ni lông có chứa ma túy do A P tàng trữ) kết quả xác định có ADN người nhưng do chất lượng dấu vết kém nên ADN phân tích được không đủ điều kiện để truy nguyên đối tượng ngoài ra Cơ quan điều tra cũng đã thực hiện các biện pháp điều tra khác như đối chất nhưng không có kết quả. Về lời khai của bị cáo A P cũng có sự mâu thuẫn, tại biên bản bắt người phạm tội quả tang A P khai số ma túy bị bắt quả tang là do A P

mang đến để cùng T1 sử dụng, nguồn gốc số ma túy bị thu giữ A P lấy của một người tại huyện Đ. Như vậy, trong vụ án này ngoài lời khai của bị cáo A P thì Cơ quan điều tra không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh hành vi bán trái phép chất ma túy của Trần Phi T1 cho A P theo như lời khai của A P nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Phi T1 về hành vi “*mua bán trái phép chất ma túy*”.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi) đã truy tố đối với các bị cáo A P và Trần Phi T1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, đặc biệt là tình hình tội phạm về ma túy hiện nay xảy ra ngày càng gia tăng. Ngoài ra việc tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy đang là tệ nạn của xã hội, từ tội phạm về ma túy có thể dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo đặc biệt là khối lượng ma túy tàng trữ để xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo và cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo A P năm 2021, bị Công an huyện T, tỉnh Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo Trần Phi T1 ngày 30/9/2013 bị TAND huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt hành 12 tháng tù về tội cố ý gây thương tích.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo A P là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật cũng có phần hạn chế nhưng không xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51

Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cũng cần xem xét, đánh giá cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo làm nông có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng của vụ án*:

* Đối với vật chứng là ma túy và vật chứng phục vụ giám định ADN.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng sau:

+ 01 (một) phong bì số 148/KL-KTHS, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại Tp ., các chữ ký và chữ viết ghi họ tên của Trần Thị D2 và Lê Đăng T2. Bên trong có 4,34 gam ma túy loại Methamphetamin hoàn lại sau giám định; 1,03 gam ma túy loại Methamphetamin hoàn lại sau giám định; 0,74 gam ma túy loại Methamphetamin hoàn lại sau giám định.

+ 01 (một) túi ni lông trong suốt, bên trong có 23 (hai mươi ba) túi ni lông trong suốt, dạng ống hút hàn kín hai đầu. Các túi ni lông cùng đựng trong một phong bì dán kín, có hình dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp ., các chữ ký của A C và Đỗ Văn T3.

+ 01 (một) túi ni lông trong suốt, dạng túi zip; 05 (năm) túi ni lông nhỏ trong suốt, dạng ống hút, hàn kín hai đầu, dài 3,2cm, rộng 01cm; 01 (một) túi ni lông trong suốt dạng túi zip có kích thước (6x4,6)cm. Các túi ni lông cùng đựng trong một phong bì dán kín, có hình dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp ., các chữ ký của A C và Đỗ Văn T3.

* Đối với vật chứng là bộ phận của bộ D3 sử dụng ma túy và các đồ vật tài liệu khác thu giữ khi khám xét nơi ở của các bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ các đồ vật sau:

+ 01 (một) ống thủy tinh không rõ hình dạng có phần đầu hình cầu có lỗ hở có chất bám dính màu đen, phần đuôi dẹp bằng nhựa; 01 (một) ống thủy tinh không rõ hình dạng, rỗng ruột được niêm phong trong 01 (một) phong bì mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 69/KL-KTHS”; mặt sau có dấu tròn của Phòng K Công an tỉnh K và chữ ký ghi tên của Phùng Văn Q và Ngô Minh C1.

+ 01 (một) chai nhựa có nhãn hiệu “Number1” được đóng kín, trên nắp chai có kết nối 01 (một) ống nhựa có chiều dài 30cm; 03 (ba) ống hút bằng nhựa, đường kính đồng đều 0,6cm, có chiều dài lần lượt là 21cm, 31cm, 32,5cm; 04 (bốn) ống thủy tinh hình trụ tròn, đồng đều kích thước dài 20,5cm, đường kính 0,6cm; 01 (một) ống hình trụ tròn, có một đầu làm bằng gắn vào một đầu ống nhựa, chiều dài 16,5cm, đường kính 0,6cm. Tất cả đồ vật này đã tiến hành niêm phong trong hộp giấy và sử dụng giấy

A4 dán kín các mép hở, có chữ ký và họ tên của những người tham gia niêm phong và dấu đỏ của Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum tại các mép dán. (Đồ vật được thu giữ khi khám xét ở nhà ông A B).

+ 05 (năm) ống thủy tinh hình trụ tròn kích thước giống nhau chiều dài 15,9 cm, đường kính 0,6cm; 03 (ba) ống nhựa hình trụ tròn kích thước giống nhau chiều dài 28,3 đường kính 0,3 cm. Tất cả đồ vật này đã tiến hành niêm phong trong phong bì thư và dán kín các mép hở, cho những người tham gia niêm phong ký và ghi họ tên và dấu tròn của Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum tại các mép dán. (Đồ vật được thu giữ khi khám xét ở nhà A);

- Đối với số 1.290.000 đồng thu giữ của Trần Phi T1. Tại phiên tòa Trần Phi T1 khai số tiền 1.000.000 đồng là tiền bán bánh kẹo cho A P để ăn tết còn lại 290.000 đồng là tiền của T1 không liên quan đến hành vi phạm tội. Sau khi A P bị bắt thì T1 có cùng Y V đưa bánh kẹo đến nhà cho vợ của A P; tại phiên tòa A P không có ý kiến hay yêu cầu gì về số tiền này và không đủ căn cứ để chứng minh số tiền 1.000.000 đồng do A P đưa cho bị cáo T1 là để mua ma túy nên trả lại cho người bị thu giữ là bị cáo Trần Phi T1. Trường hợp A P có tranh chấp về quyền sở hữu đối với số tiền 1.000.000 đồng thì giải quyết sau.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2204, màu đen, có số seri 10HD6406JG00555, đã qua sử dụng thu của Trần Phi T1, bị cáo không sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y17, màu hồng có IMEI 1: 865624049296750; IMEI 2: 865624049296743, đã qua sử dụng thu của A P, bị cáo không sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] *Một số nội dung có liên quan:*

- Đối với hành vi của Trần Phi T1 theo lời khai của bị cáo A P: Theo bị cáo A P thì Trần Phi T1 chính là người đã bán cho P 01 túi ni lông bên trong chứa 23 túi ma túy với giá 3.000.000 đồng và đã nhận trước 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo Trần Phi T1 không thừa nhận hành vi này. Bị cáo T1 thừa nhận có nhận 1.000.000 đồng từ P nhưng đó là tiền P4 mua bánh kẹo về ăn tết. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, trưng cầu giám định dấu vết đường vân và thực hiện các biện pháp điều tra khác, nhưng không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T1 về hành vi phạm tội trên. Như vậy, trong vụ án này ngoài lời khai của A P thì Cơ quan điều tra không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh hành vi bán trái phép chất ma túy của Trần Phi T1 cho A P nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Phi T1 về hành vi “*mua bán trái phép chất ma túy*” theo lời khai của A P. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với hành vi tàng trữ 05 ống thủy tinh của bị cáo A P. Bị cáo A P khai nhận việc tàng trữ là để sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, không đủ định lượng để xử lý hình sự về tội “*Tàng trữ phương tiện, công cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với A P về hành vi này và đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

- Đối với các đối tượng tên H1, P2: Quá trình điều tra, bị cáo T1 khai nhận P2 là người đã mua ma túy từ H1 cho T1. Tuy nhiên, T1 không biết nhân thân, lai lịch các đối tượng trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch các đối tượng. Vì vậy, Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

- Đối với A N là người điều khiển xe mô tô BKS: 82B1-718.65 chở A P đến nhà Trần Phi T1. Tuy nhiên, A N không biết việc A P tàng trữ ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với A N là có căn cứ.

- Đối với người tên T4 đã cho A P ma túy để sử dụng tại khu vực xã Đ, huyện Đ. A P chỉ biết đặc điểm là người địa phương, cao khoảng 1m6, ngoài ra không biết gì thêm. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với ông A B là người quản lý và sử dụng căn nhà nơi Trần Phi T1 đã “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” ở trong nhà ông A B. Quá trình điều tra xác định ông A B không biết T1 thực hiện hành vi phạm tội. Hiện tại ông A B đã chết. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông A B là có căn cứ.

- Đối với Y V: Quá trình xét nhanh, Y V dương tính với ma túy loại Methamphetamin. Quá trình điều tra Y V khai nhận khi T1 không có mặt tại phòng ngủ thì Y V đã lén lút lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của Trần Phi T1 để sử dụng. Việc Y V sử dụng ma túy Trần Phi T1 không biết, không cho, không lôi kéo, không cung cấp ma túy để sử dụng. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý Trần Phi T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là phù hợp. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Y V về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[8] *Án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo Trần Phi T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo A P là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc; bị cáo có đơn xin được miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo A P và Trần Phi T1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **A P** 03 (*Ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/01/2025.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Phi T1** 02 (*Hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 21/4/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng, đồ vật sau:

+ 01 (một) phong bì số 148/KL-KTHS, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp ., các chữ ký và chữ viết ghi họ tên của Trần Thị D2 và Lê Đăng T2. Bên trong có 4,34 gam ma túy loại Methamphetamin hoàn lại sau giám định; 1,03 gam ma túy loại Methamphetamin hoàn lại sau giám định; 0,74 gam ma túy loại Methamphetamin hoàn lại sau giám định.

+ 01 (một) túi ni lông trong suốt, bên trong có 23 (hai mươi ba) túi ni lông trong suốt, dạng ống hút hàn kín hai đầu. Các túi ni lông cùng đựng trong một phong bì dán kín, có hình dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp ., các chữ ký của A C và Đỗ Văn T3.

+ 01 (một) túi ni lông trong suốt, dạng túi zip; 05 (năm) túi ni lông nhỏ trong suốt, dạng ống hút, hàn kín hai đầu, dài 3,2cm, rộng 01cm; 01 (một) túi ni lông trong suốt dạng túi zip có kích thước (6x4,6)cm. Các túi ni lông cùng đựng trong một phong bì dán kín, có hình dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp ., các chữ ký của A C và Đỗ Văn T3.

+ 01 (một) ống thủy tinh không rõ hình dạng có phần đầu hình cầu có lỗ hở có chất bám dính màu đen, phần đuôi dẹp bằng nhựa; 01 (một) ống thủy tinh không rõ hình dạng, rỗng ruột được niêm phong trong 01 (một) phong bì mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 69/KL-KTHS”;

mặt sau có dấu tròn của Phòng K Công an tỉnh K và chữ ký ghi tên của Phùng Văn Q và Ngô Minh C1.

+ 01 (một) chai nhựa có nhãn hiệu “Number1” được đóng kín, trên nắp chai có kết nối 01 (một) ống nhựa có chiều dài 30cm; 03 (ba) ống hút bằng nhựa, đường kính đồng đều 0,6cm, có chiều dài lần lượt là 21cm, 31cm, 32,5cm; 04 (bốn) ống thủy tinh hình trụ tròn, đồng đều kích thước dài 20,5cm, đường kính 0,6cm; 01 (một) ống hình trụ tròn, có một đầu làm bằng gắn vào một đầu ống nhựa, chiều dài 16,5cm, đường kính 0,6cm. Tất cả đồ vật này đã tiến hành niêm phong trong hộp giấy và sử dụng giấy A4 dán kín các mép hở, có chữ ký và họ tên của những người tham gia niêm phong và dấu đỏ của Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum tại các mép dán.

+ 05 (năm) ống thủy tinh hình trụ tròn kích thước giống nhau chiều dài 15,9 cm. đường kính 0,6cm; 03 (ba) ống nhựa hình trụ tròn kích thước giống nhau chiều dài 28,3 đường kính 0,3 cm. Tất cả đồ vật này đã tiến hành niêm phong trong phong bì thư và dán kín các mép hở, cho những người tham gia niêm phong ký và ghi họ tên và dấu tròn của Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum tại các mép dán.

- Trả lại cho bị cáo Trần Phi T1 số tiền 1.290.000 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) đựng trong phong bì bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp ., các chữ ký và chữ viết ghi họ tên của Phạm Văn H2 và Ngô Minh C1

- Trả lại cho bị cáo Trần Phi T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2204, màu đen, có số seri 10HD6406JG00555, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo A P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y17, màu hồng có IMEI 1: 865624049296750; IMEI 2: 865624049296743, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng, đồ vật nêu trên có đặc điểm theo như các biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Quảng Ngãi).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo A P3 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Phi T1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 9 – Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT (CSMT) -
CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại TG số 2 - CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 9 – Quảng Ngãi;
- Bị cáo, đương sự khác;
- Sơ Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến